

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 157/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2022

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 663/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Đường L, khu vực V, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Tuyết N, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm V2, khu vực V1, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2021, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn P trình bày: Trước khi cưới, anh và chị Phạm Thị Tuyết N có tìm hiểu nhau gần một tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND phường N1. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh ở khu vực V, phường N1. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến tháng 7/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N không trung thực, có vay mượn tiền bên ngoài nhưng không thông báo anh biết, đến khi chủ nợ đến nhà đòi nợ thì anh mới biết, lúc này gia đình phía vợ đến dẫn chị N về nhà một thời gian. Từ đó đến nay thì vợ chồng không sống chung với nhau. Chị N ở khu vực V1, thỉnh thoảng anh có về để thăm nhưng chị N có những lời lẽ không tôn trọng anh. Gia đình hai bên có

hòa giải nhưng Nhung không quay về sống chung với anh mà mạnh ai nấy sống. Nay anh không còn tình cảm với vợ nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chị Phạm Thị Tuyết N. Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 02/12/2021, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa, bị đơn chị Chị Phạm Thị Tuyết N trình bày:

Chị thống nhất về việc tổ chức cưới hỏi, thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn như anh P trình bày. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ chồng, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau có sự hiểu nhầm cụ thể, chị mua bán trái cây, có lần chị bị mất tiền và không thể thanh toán tiền mua hàng nên chị có vay tiền và đã thông báo cho anh P biết. Sau này anh P quên nên cho rằng chị không nói với anh. Ngoài ra vợ chồng không thống nhất về chỗ ở, chị muốn vợ chồng chuyển đến sống tại nhà riêng của chị để thoải mái và thuận tiện việc chăm con của chị nhưng anh P không đồng ý, anh muốn ở chung với cha mẹ chồng. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nhưng hiện chị vẫn còn tình cảm với anh P nên không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng không có con chung. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho anh Phạm Văn P ly hôn với chị Chị Phạm Thị Tuyết N.

Về con chung: Anh chị không có con chung, miễn xét. .

Về tài sản chung và nợ: Anh P và chị N không yêu cầu giải quyết. .

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn P và chị Chị Phạm Thị Tuyết N tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND xã N1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 11/3/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đều xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh P muốn ở cùng nhà cha mẹ ở khu vực V còn chị N muốn ở khu vực V1 cùng con gái riêng của chị.

Ngoài ra còn có nguyên nhân là do sự hiểu nhầm từ việc nợ tiền và thực tế vợ chồng anh chị không sống chung từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Qua các lần hòa giải ở gia đình và tại Tòa án nhưng anh chị cũng không hàn gắn được. Chị N có yêu cầu đoàn tụ nhưng thực tế chị không biện pháp nào mà giữa chị với gia đình anh P có lời qua tiếng lại và xảy ra vụ xô đẩy nhau tại nhà anh P làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, quy định “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình...*”. Qua phân tích mâu thuẫn vợ chồng và viện dẫn những quy định pháp luật ở trên, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh chị thật sự đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh, chị không có con chung nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung và nợ: Anh P và chị N không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh P phải chịu án phí là 300.000đ.

[5] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Áp dụng các Điều 19, 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn P ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết N

2. Về con chung: Anh P và chị N không có con chung nên miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Anh P và chị N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004976 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Tuyết N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường N1;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh